

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2020/DS-PT

Ngày: 05 - 5 - 2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Hùng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hiền

Ông Dương Hùng Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hạnh Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2020/TLPT-DS ngày 14 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện U Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 102/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Chi L, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số 299, đường L, khóm 2, phường 4, thành phố C, tỉnh C.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hà Văn S, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã L, Tp. C, tỉnh C.

- Bị đơn: 1. Ông T Hùng T, sinh năm 1967 (vắng mặt)

2. Bà Lê Thị C, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 7, xã K, huyện U, tỉnh C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T Hùng T: Ông Nguyễn Hải V – Luật sư của văn phòng luật sư Lê Thanh Thuận, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông T Như Ý, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 7, xã K, huyện U, tỉnh C.

Tạm trú: Ấp 6, xã K, huyện U, tỉnh C.

- *Người kháng cáo:* Ông T Hùng T và bà Lê Thị C – bị đơn; ông T Như Ý – người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Vào ngày 14/3/2018 bà L có cho ông T Hùng T, bà Lê Thị C vay số tiền 1.250.000.000 đồng, lúc vay ông T, bà C ký hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng Minh Hải, lãi suất hai bên tự thỏa thuận nhưng không vượt quá mức quy định của Nhà nước, thời hạn vay 03 tháng. Khi hai bên ký hợp đồng vay có ông T Như Ý là con của ông T, bà C đứng ra bảo lãnh số tiền vay, nếu đến hạn ông T, bà C không trả thì ông Ý sẽ đứng ra trả thay. Đã đến thời hạn trả tiền và có yêu cầu trả nhưng ông T, bà C không trả tiền nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà C, ông Ý trả cho bà số tiền vốn 1.250.000.000 đồng và tiền lãi 395.000.000 đồng.

Bị đơn ông T Hùng T và bà Lê Thị C trình bày: Ngày 14/3/2018 ông, bà ký hợp đồng vay tiền ngân hàng SHB Sài Gòn, trong đó có giấy nợ bà Nguyễn Chi L, nên vợ chồng ông, bà không hay biết. Việc vay tiền thật chất là bà L bán cho con trai ông, bà là T Như Ý 01 nền nhà và quán Karaoke. Sau khi vay tiền một thời gian thì ông, bà mới biết có ký nợ bà L số tiền 1.250.000.000 đồng, nhưng lúc này con trai ông, bà không có người thừa kế nên nhờ ông, bà đứng tên vay tiền ngân hàng dùm, chứ ông, bà không có vay tiền của bà L và cũng không có hưởng lợi trong số tiền trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T Như Ý trình bày: Trước đây ông nhận chuyển nhượng của bà L phần đất và quán Karaoke Biển Tình tại ấp 7, xã Khánh An, huyện U Minh, nhưng do lúc đó ông đang công tác tại Trại giam Cái Tàu nên ông nhờ cha mẹ ông là ông T, bà C đứng tên chuyển nhượng với bà L, lúc chuyển nhượng ông còn nợ lại bà L số tiền 1.250.000.000 đồng nên bà L yêu cầu ông làm hợp đồng vay. Lúc cha, mẹ ông ký hợp đồng để vay tiền với Ngân hàng và ký luôn hợp đồng vay tiền với bà L luôn. Do đó, thực tế cha, mẹ ông không có nợ tiền của bà L. Trong quá trình giao dịch với bà L thì ông với bà L đã đối trừ tiền nợ với nhau thể hiện tại đoạn ghi âm ông đã cung cấp cho Tòa án và hiện nay ông chỉ còn nợ bà L số tiền 600.000.000 đồng. Đối với yêu cầu của bà L buộc cha, mẹ ông và ông liên đới trả số tiền vốn 1.250.000.000 đồng và tiền lãi 395.000.000 đồng thì ông không đồng ý.

Từ nội dung tranh chấp trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện U Minh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Chi L đối với ông T Hùng T, bà Lê Thị C, ông T Như Ý về việc trả tiền vay và tiền lãi. Buộc ông T Hùng T, bà Lê Thị C, ông T Như Ý liên đới trả cho bà Nguyễn Chi L số tiền vốn 1.250.000.000 đồng, tiền lãi 352.750.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trường hợp thi hành án, chịu lại suất do chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày **20/01/2020**, ông T Hùng T, bà Lê Thị C và ông T Như Ý kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng đối trừ số tiền mà các ông bà đã trả trước, các ông bà chỉ còn nợ nguyên đơn 600.000.000 đồng; đồng thời yêu cầu Tòa án xem xét lại phần tính lãi suất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T, bà C xin vắng mặt và ông Ý giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Không chấp nhận nội dung kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông T Hùng T, bà Lê Thị C và ông T Như Ý về việc yêu cầu đối trừ số tiền mà các ông bà đã trả cho nguyên đơn. Thấy rằng: Các ông bà đều cho rằng ông T Như Ý đã thế chấp cho nguyên đơn thửa đất diện tích 415m² tại thửa số 264, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp 7, xã Khánh An, huyện U Minh với giá 600.000.000 đồng và đã đưa bà L thêm 200.000.000 đồng nên chỉ còn nợ nguyên đơn 450.000.000 đồng nhưng do nguyên đơn kê lên vốn và lãi là 600.000.000 đồng và ông Ý có làm biên nhận nợ bà L 600.000.000 đồng. Tuy nhiên, vấn đề trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, ông Ý không có yêu cầu độc lập để đối trừ, nên cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét và dành quyền yêu cầu bằng một vụ kiện khác. Do cấp sơ thẩm không xem xét nên cấp phúc thẩm không đề cập và nếu đương sự tiếp tục yêu cầu, có quyền khởi kiện vụ án khác theo luật định.

[2] Về nghĩa vụ trả nợ vay, hợp đồng vay do ông T, bà C là người đứng tên hợp đồng vay, tại “Bản bảo lãnh” thể hiện ông T Như Ý đã bảo lãnh khoản tiền vay, cấp sơ thẩm buộc ông T, bà C và ông Ý cùng có nghĩa vụ liên đới trả khoản tiền vay. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định yêu cầu ông T, bà C và ông T Như Ý cùng trả số nợ trên. Nhận thấy trong nội dung đơn ông T và bà C, ông Ý có nói đây là khoản nợ của ông Ý, song trong phần yêu cầu phúc thẩm xem xét không thể nội dung này, tại phiên tòa phúc thẩm ông T và bà C xin vắng mặt và ông Ý thừa nhận trong đơn không yêu cầu nội dung này; xét các chứng cứ cũng không thể hiện tách bạch việc trách nhiệm thanh toán, xét thấy cần giữ nguyên như án sơ thẩm về trách nhiệm trả nợ vay.

[3] Đối với kháng cáo của ông T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại phần tính lãi suất, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Điều 1, Hợp đồng vay tiền ngày 14/3/2018 giữa bà L với ông T, bà C thể hiện: *“Lãi suất: hai bên tự thỏa thuận nhưng không vượt quá quy định của Nhà nước”*. Như vậy, theo Hợp đồng này thì hai bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ mức lãi suất là bao

nhiều và hiện đang có tranh chấp về mức lãi suất, cấp sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 468 BLDS xác định lãi suất 20%/năm là chưa chính xác.

Tại khoản 2 Điều 468 BLDS quy định: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định là 50% mức lãi suất giới hạn tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”*. Vậy theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự thì lãi suất được xác định là 10%/năm, nên mức lãi suất cần điều chỉnh. Như vậy, số tiền lãi mà ông T Hùng T, bà Lê Thị C và anh T Như Ý phải trả là $0,83\%/tháng \times 1.250.000.000 \text{ đồng} \times 17 \text{ tháng}$ bằng 176.375.000 đồng. Đối trừ khoản lãi nguyên đơn yêu cầu nhưng không được chấp nhận là 218.625.000 đồng.

Tổng hai khoản vốn và lãi nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận là 1.426.375.000 đồng.

[4] Do sửa một phần bản án sơ thẩm về số tiền phải thanh toán nên sửa án phí dân sự sơ thẩm, các đương sự phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định.

[5] Do chấp nhận một phần kháng cáo của ông T, bà C, ông Ý nên các ông, bà không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông T Hùng T, bà Lê Thị C và ông T Như Ý.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện U Minh:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Chi L. Buộc ông T Hùng T, Lê thị Chơn và ông T Như Ý có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Chi L số tiền vốn và lãi là 1.426.375.000 đồng. (*Một tỷ bốn trăm hai mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Buộc ông T Hùng T, bà Lê thị Chơn và ông T Như Ý nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 54.791.000 đồng (chưa nộp).

+ Buộc bà Nguyễn Chi L nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 10.931.000 đồng. Ngày 25/10/2019 bà L có nộp tạm ứng án phí số tiền 30.615.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004657 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, bà được nhận lại 19.684.000 đồng.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T Hùng T, Bà Lê Thị C và ông T Như Ý không phải chịu.

+ Ông T và bà C đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0004815 ngày 31/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh và ông T Như Ý đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0004816 ngày 31/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, được giữ lại để đối trừ án phí sơ thẩm trong giai đoạn thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Hùng